

Bản án số: 203/2021/DS-PT

Ngày: 22 - 11 - 2021

*“V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất
và yêu cầu hủy giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Cầu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tào

Ông Trương Công Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Dung, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 85/2020/TLPT-DS ngày 07 tháng 12 năm 2020 về *“Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2020/DS-ST ngày 29-9-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 346/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị H. Địa chỉ cư trú: Thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân B, bà Hà Thị T. Địa chỉ cư trú: Thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (bà T ủy quyền cho ông B tham gia giải quyết vụ án). Có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân Đ, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban

nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có đơn xin vắng mặt.

2. Anh Hoàng Văn H, chị Trần Thị T. Địa chỉ cư trú: tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

3. Bà Võ Thị X. Địa chỉ cư trú: Đội 5 thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

4. Bà Lê Thị T, địa chỉ cư trú: Tổ dân phố N, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

5. Bà Lê Thị T. Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố N, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

6. Bà Lê Thị H. Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố N, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

(Bà Lê Thị T, Lê Thị T và Lê Thị H cùng ủy quyền cho bà Lê Thị H). Có đơn xin vắng mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên toà, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Bà hiện đang sử dụng thửa đất số 184, tờ bản đồ địa chính số 53 xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, liền kề với thửa đất của bà là thửa 192 do ông Nguyễn Xuân B và bà Hà Thị T đứng tên quyền sử dụng, quá trình sử dụng ông B, bà T có lấn qua phần đất của bà với kích thước, ngang 2m, dài 35m.

Bố mẹ bà là ông Lê L (đã chết) và bà Nguyễn Thị N (đã chết năm 2006) có 04 người con, gồm: Lê Thị T, Lê Thị T, Lê Thị H và bà là Lê Thị H. Nguồn gốc, thửa đất 184 do mẹ bà là bà Nguyễn Thị N sử dụng, năm 1993, thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình bán lại cho bà Nguyễn Thị N, gồm 2 phần với tổng diện tích 938m², trong đó phần đất hành lang an toàn giao thông đường bộ có diện tích 390 m², phần đất được sử dụng 548 m². Bà không biết kích thước cụ thể của các cạnh vì kích thước thể hiện trong “Giấy giao tạm đất nhà ở” vào ngày 10/7/1993 của Thôn X do đại diện ông Võ Xuân B ký tên đã bị rách phần giữa nên không xác định được. Hiện nay bà đang có tranh chấp với các hộ liền kề nên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các chị em của bà đã họp gia đình và thống nhất ủy quyền lại cho bà toàn quyền sử dụng thửa đất này.

Thửa đất 192 của ông Nguyễn Xuân B và bà Hà Thị T đang sử dụng có nguồn gốc là của bà Võ Thị X, trước đây là thửa số 750, tờ bản đồ số 01 xã Q, huyện Q có diện tích 238m². Bà X chuyển nhượng lại cho ông B và bà T.

Theo bà H, quá trình sử dụng, vào tháng 12/2004, bà X có mở rộng sang phía đất của gia đình bà để xây dựng hàng rào, do có 01 ngôi mộ nằm giữa ranh giới 02 gia đình nên bà X có đề nghị bà cho bà X xây hàng rào qua phần đất thuộc thửa 184 mà bà đang sử dụng để tránh ngôi mộ với kích thước chiều ngang 02m, chiều dài 35m và có thỏa thuận khi nào ngôi mộ cất bốc thì trả lại cho bà. Đến năm 2012, sau khi cất bốc ngôi mộ, bà X không trả lại đất mà tiến hành chuyển nhượng lại phần đất của bà cho ông B, bà T trong khi giữa bà và bà X đang có tranh chấp. Hiện nay, cụ thể họ tên người cất bốc ngôi mộ này ở địa chỉ cụ thể nào thì bà không cung cấp được. Bà X có thỏa thuận đền bù cho bà số tiền 7.000.000 đồng và giao trả lại cho bà phần đất và tường rào, nhưng sau đó không giao tiền nên bà không đồng ý. Đất giữa các bên đang có tranh chấp nhưng bà X vẫn chuyển nhượng và ông B, bà T vẫn được UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà H cho rằng, việc cấp giấy chứng nhận cho ông Nguyễn Xuân B và bà Hà Thị T trong khi đang có tranh chấp là vi phạm pháp luật về quản lý đất đai, bà không ký vào biên bản ranh giới của hộ liền kề trong hồ sơ cấp đất nhưng ông B và bà T vẫn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình ông B, bà T tiến hành xây hàng rào, khi xây hàng rào đã có mâu thuẫn, bà không đồng ý nhưng ông B vẫn tiến hành dùng máy móc cả tường rào cũ và cây trồng của bà xâm hại đến sức khỏe, tài sản của bà.

Do vậy, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Xuân B, bà Hà Thị T có trách nhiệm trả lại cho bà phần đất kích thước ngang 02m, dài 35m, diện tích 70m² thuộc thửa 192, tờ bản đồ số 53 xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 158871, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00024 do UBND huyện Q cấp ngày 14-02-2012 cho ông Nguyễn Xuân B và bà Hà Thị T.

Bà H yêu cầu Tòa án tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 158871, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00024 do UBND huyện Q cấp ngày 14-02-2012 cho ông Nguyễn Xuân B và bà Hà Thị T.

Nguyên đơn cho rằng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị T, Lê Thị T, Lê Thị H đã họp gia đình và thống nhất ủy quyền cho bà toàn quyền sử dụng tài sản cũng như ủy quyền tham gia giải quyết vụ án, các chị của bà đều thống nhất ý kiến với bà H tại Tòa án.

Bị đơn ông Nguyễn Xuân B và bà Hà Thị trình bày:

Vào năm 2011, ông, bà có nhận chuyển nhượng của bà Võ Thị X thửa đất số 192, tờ bản đồ số 53 thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình với diện tích 354,4m², hai bên đã làm thủ tục chuyển quyền sử dụng theo quy định. Đến ngày 14-02-2020 ông và vợ là bà Hà Thị T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ranh giới giữa đất bà X và bà Lê Thị H đã có tường rào cũ ở phía bắc, thời điểm ông mua đất của bà X không có ngôi mộ ở giữa ranh giới như lời bà H trình bày mà chỉ có 02 ngôi mộ trong đất của bà X, cách hàng rào ranh giới giữa nhà bà H và bà X 06m, năm 2014 ông B thuê cất bốc 02 ngôi mộ, ông B cho rằng không có ngôi mộ nào nằm giữa tường rào như lời bà H trình bày. Năm 2016 ông xây lại hàng rào và dịch vào trong phần đất của mình so với móng cũ khoảng 20cm, bà H có ngăn cản nhưng ông cho rằng đất thuộc quyền sử dụng của mình nên vẫn tiến hành. Hiện nay, đất này ông đã chuyển nhượng lại cho ông Hoàng Văn H và bà Trần Thị T nhưng chưa sang tên đổi chủ được vì do có tranh chấp với bà H, hiện vợ chồng ông đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay qua yêu cầu của bà H về việc tháo dỡ công trình là móng hàng rào bằng đá xanh trên phần đất tranh chấp thuộc thửa đất số 192 để trả lại quyền sử dụng đất ngang 02m, dài 28,6m, và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận QSD đất thì vợ chồng ông không đồng ý.

Bà Hà Thị T thống nhất trình bày theo quan điểm của ông B và ủy quyền cho ông B tham gia giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Q trình bày:

Thửa đất của ông Nguyễn Xuân B và bà Hà Thị T được tách ra từ thửa đất của bà Võ Thị X. Bà X đã được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 460 m², thuộc thửa 750, tờ bản đồ số 01, có số phát hành B 887669, số vào sổ 03162 cấp ngày 12-5-1993. Quá trình sử dụng đất, vào ngày 01-9-2009, bà X thực hiện thủ tục tách thửa 750 thành thửa 965, tờ bản đồ số 01 với diện tích 222 m² và thửa 750 có 238 m². Ngày 18-7-2011, bà X được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ thửa 750, tờ bản đồ số 01 thành thửa 192, tờ bản đồ số 53 với diện tích 354,4 m² theo cơ sở dữ liệu đo đạc năm 2012. Bà Lê Thị H đã ký vào các biên bản mô tả ranh giới của bà Võ Thị X.

Bà X đã chuyển nhượng thửa 192 cho ông Nguyễn Xuân B vào năm 2012, ông B, bà T đã được UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 158871, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CH 00024 do UBND huyện Q cấp ngày 14-02-2012.

Về trình tự cấp giấy cho bà X, ông B, bà T đúng theo quy định tại của Luật đất đai năm 2003 và Điều 23 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19-10-2009 của Chính phủ về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất.

Năm 2013, nhà nước có thu hồi đất để mở rộng Quốc lộ 1A nhưng diện tích thu hồi nằm ngoài diện tích đất đã cấp cho ông B và bà T, hiện nay, theo tài liệu hồ sơ cấp đất thì thửa 192 có diện tích 354,4 m², đất hành lang an toàn giao

thông là 128,1 m².

Thửa đất của bà Lê Thị H hiện đang sử dụng có nguồn gốc là đất của thôn do ông Võ Xuân B - trưởng thôn X tại thời điểm 1993 đứng ra bán. Theo bản đồ địa chính không thể hiện đất thổ cư mà ghi đất màu có diện tích 390 m², thuộc thửa 752, tờ bản đồ 01 và trên giấy giao tạm đất làm nhà của thôn X thể hiện diện tích là 548 m², trong đó đất ở 200 m², đất vườn 348 m², hộ gia đình làm nhà phải cách mép đường Quốc lộ đến mốc 203 là 20m.

Hiện nay, theo hiện trạng sử dụng và bản đồ địa chính năm 2012 thể hiện là thửa 184, tờ bản đồ số 53 xã Q, huyện Q, diện tích 665 m². Năm 2013, Nhà nước thu hồi đất để mở rộng Quốc lộ 1A, diện tích thu hồi nằm ngoài diện tích của thửa 184. Qua kết quả cho thấy diện tích của bà H tăng thêm so với diện tích mà thôn X bán năm 1993.

So sánh giữa bản đồ địa chính năm 1993 và bản đồ năm 2012 thấy rằng: Năm 1993 thửa đất của bà Võ Thị X có chiều rộng mặt tiền đường Quốc lộ 1A: 20m, diện tích 460m². Năm 2012, chiều rộng mặt tiền đường Quốc lộ 1A: 17,99m, diện tích 543,6m² (giảm chiều dài tiếp giáp đường Quốc lộ 1A: 2,01m so với ban đầu)

Diện tích của bà Lê Thị H: Năm 1993 diện tích 390m², chiều rộng tiếp giáp mặt đường 20m; năm 2012 diện tích 665,8m², chiều rộng tiếp giáp mặt đường 21,07m (chiều rộng tiếp giáp Quốc lộ 1A tăng 1,07m).

UBND huyện Q đề nghị giữ nguyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Xuân B và bà Hà Thị T, đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Văn H và bà Trần Thị T trình bày:

Năm 2016, vợ chồng ông có nhận chuyển nhượng thửa đất 192, tờ bản đồ số 53 của ông Nguyễn Xuân B và bà Hà Thị T, hiện chỉ làm thủ tục công chứng, trong vụ án này ông, bà không có yêu cầu hay ý kiến gì. Khi giải quyết xong vụ án giữa bà Lê Thị H và ông Nguyễn Xuân B, ông, bà sẽ tiếp tục làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị X: Không đến Tòa án khai báo và bà Lê Thị H cũng như ông Nguyễn Xuân B không cung cấp được địa chỉ của bà X. Xác minh tại địa phương bà X hiện nay đi khỏi địa phương, thỉnh thoảng có xuất hiện nhưng không biết hiện nay ở đâu.

Ông Võ Xuân B, quá trình Tòa án giải quyết vụ án không đến Tòa án khai báo, nhưng khi đến xác minh trình bày: Ông là trưởng thôn X tại thời điểm năm 1993, thực hiện theo chủ trương của UBND xã và thôn, ông có thay mặt thôn bán đất cho bà Nguyễn Thị N (mẹ của bà H). Quá trình bán đất, ông có chỉ ranh mốc giữa 02 hộ là bà Võ Thị X và bà Lê Thị H, 02 bên đã thỏa thuận ranh mốc

và bà X xây hàng rào bằng gạch bloc, hàng rào cũ nay vẫn còn lại 01 đoạn. Ông khẳng định lúc cắm ranh mốc các đương sự đều có mặt và 02 bên đã thống nhất với nhau, khi thỏa thuận cắm ranh mốc giữa 02 nhà thì không có ngôi mộ nào trên ranh giới.

Người làm chứng ông Dương Minh Tâm trình bày: Ông là cán bộ địa chính xã Q vào thời điểm năm 2012. Ông có ký vào biên bản xác nhận việc bà X có đồng ý giao lại phần đất và hàng rào do bà X xây cho bà H sử dụng, còn việc các đương sự thỏa thuận về giao tiền như thế nào thì ông không rõ. Ông Tâm cho biết, thời điểm thực hiện cấp đổi các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà X, thời gian thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà X và ông B, bà T không có khiếu nại hay tranh chấp gì, sau khi ông B, bà T được cấp giấy thì mới phát sinh tranh chấp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2020/DS-ST ngày 29-9-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị X và Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 203 của Luật đất đai.

1. Về yêu cầu khởi kiện: Áp dụng các điều 3, 165, 166 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 170 của Luật đất đai năm 2013.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị H về việc đòi lại quyền sử dụng đất diện tích 57,2 m² thuộc thửa 192, tờ bản đồ số 53 tại thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 158871, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00024 do UBND huyện Q cấp ngày 14-02-2012 cho ông Nguyễn Xuân B và bà Hà Thị T vì không có căn cứ.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị H về hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BI 158871, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 00024 do UBND huyện Q cấp ngày 14-02-2012 cho ông Nguyễn Xuân B và bà Hà Thị T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 13-10-2020, nguyên đơn bà Lê Thị H kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm số 19/2020/DS-ST ngày 29-9-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Lê Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; thẩm tra công khai tại phiên tòa và quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Các đương sự trong vụ án hầu hết đều có đơn xin vắng mặt (một số vắng mặt). Riêng bà Võ Thị X vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã làm tiến hành lập biên bản xác minh tại địa chỉ nơi bà X đang ở, niêm yết công khai giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà Võ Thị X theo quy định pháp luật. Do đó, Tòa án giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Thửa đất số 184, tờ bản đồ số 53 (thửa 752, tờ bản đồ số 01) do cụ Nguyễn Thị N (mẹ của bà H) được thôn X giao cho quản lý, sử dụng thuộc loại đất màu từ nguồn đất công ích của thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Sau khi cụ N chết 2006, bà Lê Thị H là người trực tiếp sử dụng thửa đất có diện tích 548 m² (200m² đất ở, 348 m² đất vườn). Năm 2012, đo đạc lại là 665,8m² hiện bà H đang sử dụng và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc bà Lê Thị H cho rằng trước đó thôn X giao đất cho hộ gia đình bà với 938m² đất, trong đó phần đất hành lang an toàn giao thông đường bộ có diện tích 390m², phần đất được sử dụng 548m² là không chính xác, bởi lẽ: Theo Bản đồ địa chính năm 1993, thửa đất này là 390m² (đất màu) rộng mặt tiền 20 m. Tuy nhiên, đo đạc năm 2012 thì chiều rộng mặt tiền 21.07m. Như vậy, chiều rộng mặt tiền theo hướng Bắc Nam của thửa đất bà Lê Thị H tăng 1.07m và diện tích 390m² là của thửa đất 752 và sau này tăng lên 548m² như phân tích nêu trên. Điều này phù hợp với bản đồ năm 2012 và lời trình bày của UBND huyện Q. Do đó, không có cơ sở để khẳng định đất của thôn X bán lại cho cụ N là 938m² như lời trình bày của bà Lê Thị H.

[3] Thửa đất số 192 của ông Nguyễn Xuân B và bà Hà Thị T được tách ra từ thửa đất của bà Võ Thị X. Bà X đã được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành B 887669, số vào sổ 03162 cấp ngày 12-5-1993 với diện tích 460 m², thuộc thửa 750, tờ bản đồ số 01. Ngày 01-9-2009, bà X tách thửa 750 thành thửa 965, tờ bản đồ số 01 với diện tích 222 m² và thửa 750 có 238 m². Ngày 18-7-2011, bà X được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ thửa 750, tờ bản đồ số 01 thành thửa 192, tờ bản đồ số 53 với diện tích 354,4 m² theo cơ sở dữ liệu đo đạc năm 2012. Bà Lê Thị H đã ký vào các biên bản mô tả ranh giới của bà Võ Thị X (BL 159). Sau đó, bà X chuyển nhượng cho hộ ông Nguyễn Xuân B và hộ ông B, bà T đã được UBND huyện Q

cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 158871, sổ vào sổ CH 00024 vào ngày 14-02-2012.

[4] Tháng 12/2004, bà H cho rằng bà Võ Thị X có mở rộng sang phía đất của gia đình bà để xây dựng hàng rào để tránh ngôi mộ với diện tích 70m² (02m x 35m), đo đạc thực tế 57,2 m² nên yêu cầu ông Nguyễn Xuân B và bà Hà Thị T trả lại diện tích này cho hộ gia đình bà Lê Thị H. Về điều này, ông Dương Minh Tâm thừa nhận có xác nhận việc bà Võ Thị X nhất trí giao lại quyền sở hữu bờ rào đã xây dựng cho bà Lê Thị H được toàn quyền sử dụng, còn việc hai bên thỏa thuận trả tiền mặt như thế nào thì anh Tâm không biết. Đồng thời, ông Võ Xuân B - nguyên là Trưởng thôn X xác nhận giữa bà Võ Thị X và bà H có thỏa thuận cho bà Võ Thị X xây hàng rào, hiện nay hàng rào cũ đã sập nhưng vẫn còn móng và đoạn tường cũ. Trên đất có nhiều phần mộ nhưng thời điểm cắm mốc ranh giới hai bên thì không có mồ mả trên ranh giới thửa đất, phía sau đuôi đất có rất nhiều mồ mả hiện nay đã được cất bốc. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân huyện Q khẳng định đã thu hồi đất của các hộ dân để mở rộng Quốc lộ 1A năm 2013. Phần diện tích thu hồi nằm ngoài diện tích đất đã cấp cho ông B và bà T. Hiện nay tài liệu hồ sơ cấp đất thể hiện thửa 192 của vợ chồng ông B, bà T có diện tích 354,4 m², đất hành lang an toàn giao thông là 128,1 m² (BL 127). Vì vậy, bà H cho rằng mốc lộ giới 203 là chân của ngôi mộ đã được cất bốc, mộ nằm dịch về phía Nam ngay hàng rào anh B xây là 4.3m² nằm trong thửa 192 là không có cơ sở.

[5] Tại biên bản thẩm định tại chỗ ngày 02-7-2020 của Tòa án cấp sơ thẩm và Sơ đồ bản vẽ thẩm định hiện trạng phần đất tranh chấp thể hiện sát móng tường rào về phía đất của bà H có một bức tường cũ xây bằng gạch blóc cách móng tường vào ông B xây là 25cm, bà H xác định đoạn bức tường cũ này là bà X xây. Điều đó khẳng định sau khi mua lại thửa đất của bà X, ông B xây tường rào cách mép tường rào trước đây bà X xây gần 25 cm về phía đất của anh B bà T. Tường rào cũ nằm hoàn toàn trên diện tích đất của hộ gia đình bà Lê Thị H. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị H về hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BI 158871, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00024 do UBND huyện Q cấp ngày 14-02-2012 cho ông Nguyễn Xuân B và bà Hà Thị T.

Từ phân tích trên, không có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị H, chấp nhận quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí:

Bà Lê Thị H là thân nhân liệt sỹ nên được miễn án phí quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ nêu trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2020/HC-ST ngày 29-9-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Áp dụng Điều 3, 165, 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 170; Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

Tuyên xử:

Không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H về việc đòi lại quyền sử dụng đất diện tích 57,2m² thuộc thửa 192, tờ bản đồ số 53 tại thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 158871, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00024 do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp ngày 14-02-2012 cho ông Nguyễn Xuân B và bà Hà Thị T.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị H về hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BI 158871, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00024 do UBND huyện Q cấp ngày 14/02/2012 cho ông Nguyễn Xuân B và bà Hà Thị T.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm c, khoản 1 Điều 24; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án

Bà Lê Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 22 - 11 - 2021./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thúy Cầu